Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Giáo viên : Huỳnh Thị Thư
Tổ : Sử- Địa- KTPL
Ngày soạn: 11/2026- Tiết : 14,15,16.

BÀI 6. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI CẬN ĐẠI

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất về máy móc, năng lượng, luyện kim và giao thông vận tải.
- Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai về luyện kim, điện, thông tin liên lạc, động cơ đốt trong, ô tô và hàng không.
- Trình bày được ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đối với sự phát triển kinh tế.
- Phân tích được những tác động chủ yếu của các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại đối với xã hội và văn hoá.
- Nhận biết được mối quan hệ giữa phát minh khoa học - kĩ thuật, quá trình cơ giới hoá và sự chuyển biến của nền sản xuất công nghiệp.
- Liên hệ được một số thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp với thiết bị, phương tiện và lối sống hiện nay.

2. Về kĩ năng, năng lực

- Rèn luyện kĩ năng quan sát, khai thác kênh hình, sơ đồ, bảng số liệu và tư liệu lịch sử để nhận biết thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp.
- Biết sưu tầm, lựa chọn, kiểm chứng và sử dụng tư liệu lịch sử phù hợp để giới thiệu một phát minh hoặc một nhà phát minh tiêu biểu.
- Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc xác định thời gian, địa điểm, nhân vật, phát minh và lĩnh vực ứng dụng.
- Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc so sánh Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất với lần thứ hai, phân tích nguyên nhân và hệ quả.
- Phát triển năng lực vận dụng kiến thức lịch sử để giải thích vai trò của điện, động cơ, phương tiện giao thông và công nghệ trong đời sống hiện đại.
- Rèn luyện năng lực giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, thuyết trình và phản biện thông qua hoạt động cá nhân, cặp đôi và nhóm.
- **[1.1-NC1-b]** - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kĩ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.
- **[1.2-NC1-a/b]** - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: Thực hiện đánh giá được độ tin cậy, độ chính xác của nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số; tiến hành đánh giá các dữ liệu, thông tin và nội dung số khác nhau.

- **[5.2-NC1-a/b]** - Xác định nhu cầu và giải pháp công nghệ: Đánh giá được nhu cầu cá nhân; áp dụng được các công cụ số khác nhau và các giải pháp công nghệ có thể có để giải quyết nhu cầu học tập.

3. Về phẩm chất

- Trân trọng tinh thần lao động, sáng tạo và những đóng góp của các nhà khoa học, kĩ sư, công nhân đối với sự phát triển của nhân loại.
- Có ý thức sử dụng tiết kiệm, an toàn các thiết bị điện, phương tiện giao thông và thành tựu khoa học - kĩ thuật.
- Hình thành thái độ khách quan khi đánh giá cả mặt tích cực và hạn chế của công nghiệp hoá đối với con người, xã hội và môi trường.
- Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, chủ động tìm tòi, khám phá và hợp tác trong học tập.
- Có ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng hợp lí và hướng tới phát triển bền vững.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; phiếu học tập dành cho HS.
- SGK, SGV Lịch sử 10 - Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống; tài liệu tham khảo phù hợp.
- Tranh ảnh và kênh hình trong SGK: máy bay, sơ đồ quá trình phát minh máy móc trong ngành dệt, chân dung Giêm Oát, lò luyện quặng, đầu máy xe lửa, lò cao Bê-se-mơ, điện thoại, bóng đèn điện, máy vô tuyến điện, xe hơi Mô-đen T, máy bay của anh em nhà Rai, đường sắt Li-vơ-pun - Man-che-xtơ.
- Máy tính, máy chiếu, bài trình chiếu; giấy A0/A3 hoặc bảng nhóm, bút dạ; phiếu học tập.
- Bảng số liệu về sản lượng thép của Anh, Mỹ, Đức cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.
- **Công cụ số tích hợp NLS:** trình duyệt web/Google Search; Microsoft Word hoặc PowerPoint; Microsoft Excel hoặc Google Sheets; máy tính cầm tay. Các công cụ đều quen thuộc, không sử dụng công cụ AI và không bắt buộc HS có tài khoản trực tuyến.
- **Phương án dự phòng:** GV chuẩn bị ảnh chụp màn hình, tư liệu in, bảng số liệu và phiếu giấy; khi mất mạng hoặc thiếu thiết bị, HS làm việc trên giấy A3/bảng nhóm và tính toán bằng máy tính cầm tay.

2. Học sinh

- SGK Lịch sử 10, vở ghi, bút, thước và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

- Đọc trước Bài 6; quan sát các hình 1 - 12 và các nội dung Tư liệu, Em có biết trong SGK.
- Sưu tầm một số tư liệu hoặc hình ảnh ngắn về máy hơi nước, bóng đèn điện, điện thoại, ô tô, máy bay hoặc một nhà phát minh tiêu biểu.
- Chuẩn bị nội dung được phân công theo nhóm về Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, lần thứ hai và ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp.
- **Thiết bị số (nếu có):** mỗi nhóm sử dụng một điện thoại thông minh, máy tính bảng hoặc máy tính để tìm kiếm, kiểm chứng thông tin, tạo một trang/slide sản phẩm và xử lí bảng số liệu; không yêu cầu mỗi HS phải có thiết bị.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; huy động hiểu biết ban đầu của HS về phương tiện giao thông hiện đại; hình thành nhu cầu tìm hiểu nguồn gốc của những thành tựu công nghiệp và ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại.

b. Nội dung: HS quan sát hình ảnh máy bay, đọc tình huống mở đầu trong SGK và trả lời câu hỏi gợi mở của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS nhận biết máy bay là kết quả của quá trình phát triển khoa học - kĩ thuật lâu dài; kể được một số phương tiện, thiết bị gắn với công nghiệp hiện đại và nêu được câu hỏi cần tìm hiểu.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV trình chiếu hình ảnh máy bay đang cất cánh, yêu cầu HS quan sát và liên hệ với trải nghiệm đi lại của bản thân.



Hình khởi động. Máy bay đang cất cánh

- Nếu đi từ Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh bằng máy bay và bằng tàu hoả, thời gian di chuyển khác nhau như thế nào?
- Máy bay, tàu hoả, ô tô, điện thoại và bóng đèn điện xuất hiện từ những cuộc cách mạng công nghiệp nào?
- Theo em, những phát minh đó đã làm thay đổi đời sống con người ra sao?

- HS suy nghĩ cá nhân, trao đổi nhanh theo cặp và phát biểu. GV nhận xét, không chốt sâu mà dẫn dắt vào bài: từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX, hai cuộc cách mạng công nghiệp đã tạo ra những bước tiến lớn về máy móc, năng lượng, giao thông và thông tin liên lạc, làm thay đổi căn bản nền sản xuất và đời sống nhân loại.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

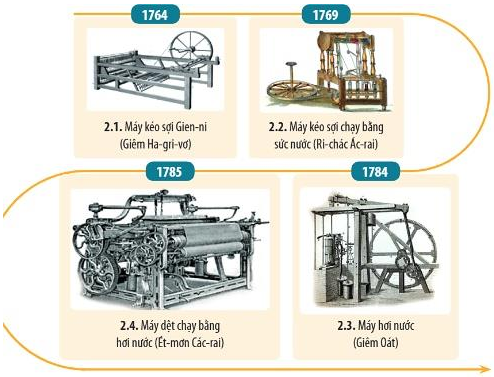
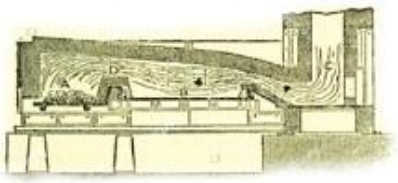
a. Mục tiêu: HS nêu được thời gian, nơi khởi đầu, phạm vi lan rộng và những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất về ngành dệt, máy hơi nước, luyện kim và giao thông vận tải; nhận xét được vai trò của máy hơi nước.

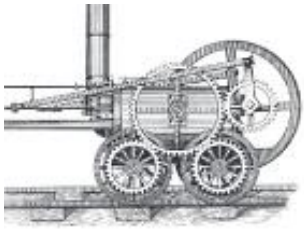
b. Nội dung: GV tổ chức cho HS khai thác mục 1, Tư liệu 1, sơ đồ Hình 2 và các Hình 3 - 5 trong SGK; HS làm việc theo nhóm, hoàn thành Phiếu học tập số 1.

c. Sản phẩm học tập: Bảng hệ thống thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất; phần trình bày về vai trò của máy hơi nước và nhận xét về sự chuyển biến từ lao động thủ công sang lao động bằng máy móc.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu khái quát: Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra từ khoảng nửa sau thế kỉ XVIII, khởi đầu ở Anh, sau đó lan ra nhiều nước châu Âu và Bắc Mỹ. - GV yêu cầu HS đọc Tư liệu 1, xác định đặc trưng cốt lõi của cuộc cách mạng: sự xuất hiện máy móc, kĩ thuật mới và sự chuyển biến từ lao động thủ công sang lao động bằng máy móc. - GV cho HS quan sát Hình 2, xác định trình tự phát minh trong ngành dệt và mối liên hệ giữa các máy móc.	- Thời gian, phạm vi: từ nửa sau thế kỉ XVIII; bắt đầu ở Anh, sau đó lan ra châu Âu và Bắc Mỹ. - Ngành dệt: máy kéo sợi Gien-ni của Giêm Ha-gri-vơ (1764); máy kéo sợi chạy bằng sức nước của Ri-chác Ác-rai (1769); máy dệt chạy bằng hơi nước của Ét-mơn Các-rai (1785). - Năng lượng: Giêm Oát cải tiến máy hơi nước thành nguồn động lực mới, có thể ứng dụng rộng rãi trong sản xuất và giao thông.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
 *Hình 2. Quá trình phát minh một số máy móc, khởi đầu Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất ở Anh* - GV chia lớp thành bốn nhóm: - Nhóm 1: Tìm hiểu các phát minh trong ngành dệt và tác động đến năng suất lao động. - Nhóm 2: Tìm hiểu Giêm Oát, máy hơi nước và vai trò của nguồn động lực mới. - Nhóm 3: Tìm hiểu phương pháp luyện quặng "pút-đinh", sự phát triển của ngành luyện kim. - Nhóm 4: Tìm hiểu đầu máy xe lửa, đường sắt, tàu thuỷ và sự phát triển của giao thông vận tải.  *Hình 3. Giêm Oát*  *Hình 4. Lò luyện quặng theo phương pháp "pút-đinh"*	- Luyện kim: phương pháp "pút-đinh" của Hen-ri Cốt (1784) làm cho luyện quặng đơn giản hơn, tăng sản lượng sắt, đáp ứng nhu cầu máy móc và đồ dùng. - Giao thông: đầu máy xe lửa, đường sắt, tàu thuỷ chạy bằng hơi nước phát triển, rút ngắn thời gian và chi phí vận chuyển. - Bản chất: máy móc và nguồn động lực mới thay thế dần lao động thủ công; sản xuất chuyển từ công trường thủ công sang nhà máy cơ khí. - Thành tựu quan trọng nhất: máy hơi nước vì có khả năng cung cấp động lực ổn định, không phụ thuộc vào sức người, sức vật hoặc điều kiện tự nhiên; thúc đẩy nhiều ngành công nghiệp cùng phát triển.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
 *Hình 5. Đầu máy xe lửa chạy trên đường ray đầu tiên* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc SGK, khai thác hình ảnh, thảo luận và hoàn thành bảng: thành tựu - thời gian - người phát minh - lĩnh vực - ý nghĩa. - GV quan sát, hỗ trợ HS phân biệt thời điểm phát minh, cải tiến và đưa vào sử dụng; hướng dẫn HS chú ý mối liên hệ kế tiếp giữa các phát minh. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện các nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung và đặt câu hỏi phản biện. - GV gợi mở: Vì sao máy hơi nước được coi là thành tựu quan trọng nhất của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất? **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức; nhấn mạnh máy hơi nước tạo nguồn động lực mới, thúc đẩy cơ giới hoá sản xuất và sự phát triển của giao thông vận tải.		

Hoạt động 2. Tìm hiểu thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai

a. Mục tiêu: HS nêu được thời gian, phạm vi và những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai về luyện kim, điện, thông tin liên lạc, động

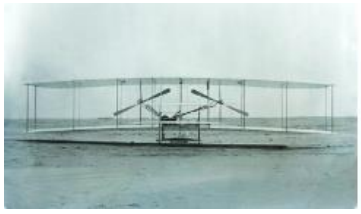
cơ đốt trong, ô tô và hàng không; nhận xét được đặc điểm khoa học - kĩ thuật của cuộc cách mạng.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS khai thác mục 2, các Hình 6 - 11 và nội dung Em có biết trong SGK; HS làm việc nhóm, hoàn thành Phiếu học tập số 2.

c. Sản phẩm học tập: Bảng hệ thống thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai; sơ đồ mối quan hệ giữa khoa học, phát minh kĩ thuật và sự hình thành các ngành công nghiệp mới.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV định hướng: Cách mạng công nghiệp lần thứ hai diễn ra từ nửa sau thế kỉ XIX đến khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ năm 1914; diễn ra trước hết ở Anh, Pháp, Đức, Mỹ, sau đó lan rộng. - GV yêu cầu HS quan sát các Hình 6 - 11, xác định tên phát minh, nhà phát minh, thời gian và lĩnh vực ứng dụng.  *Hình 6. Mô phỏng quá trình luyện thép theo phương pháp lò cao*  *Hình 7. Điện thoại của A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo*	- Thời gian, phạm vi: từ nửa sau thế kỉ XIX đến năm 1914; diễn ra mạnh ở Anh, Pháp, Đức, Mỹ và lan ra nhiều nước. - Luyện kim: phương pháp lò cao Bê-se-mơ giúp luyện gang lỏng thành thép với chất lượng tốt, giá rẻ; tạo điều kiện phát triển đường sắt, tàu thuyền, máy móc và xây dựng. - Điện: Pha-ra-đây, Ê-đi-xơn, Tét-la và nhiều nhà khoa học đặt cơ sở cho máy phát điện, động cơ điện, bóng đèn, hệ thống truyền tải và điện khí hoá. - Thông tin liên lạc: điện thoại của A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo (1876); vô tuyến điện của Mác-cô-ni (1897), giúp truyền thông tin nhanh trên khoảng cách xa. - Động cơ và giao thông: động cơ đốt trong thúc đẩy ô tô, máy bay; xe Mô-đen T được sản xuất theo dây	**[1.1-NC1-b] → Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số** - Nội dung chỉ báo: Áp dụng được kĩ thuật tìm kiếm để lấy dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. - Tích hợp: Ở Bước 2, mỗi nhóm chọn một phát minh trong các Hình 6 - 11; dùng Google Search với từ khoá gồm tên phát minh, nhà phát minh và năm công bố để kiểm chứng thông tin. - **[1.2-NC1-a/b] → Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
 *Hình 8. Tô-mát Ê-đi-xơn và phát minh bóng đèn điện*  *Hình 9. Máy vô tuyến điện của Gu-li-ê-li-mô Mác-cô-ni*  *Hình 10. Xe hơi Mô-đen T của Công ty Pho Mô-tô*  *Hình 11. Máy bay của anh em nhà Rai thực hiện chuyến bay thử nghiệm* - GV chia lớp thành bốn nhóm: - Nhóm 1: Luyện kim, hoá chất và vật liệu mới. - Nhóm 2: Điện, bóng đèn, máy phát điện và sự điện khí hoá. - Nhóm 3: Điện thoại, vô tuyến điện và thông tin liên lạc.	chuyền, làm giảm giá thành; anh em nhà Rai thực hiện chuyến bay có động cơ năm 1903. - Các ngành mới: điện lực, hoá chất, dầu mỏ, thép, chế tạo ô tô, viễn thông và hàng không phát triển mạnh. - Đặc điểm: khoa học gắn trực tiếp với kĩ thuật và sản xuất; phát minh được ứng dụng nhanh, quy mô sản xuất lớn và tổ chức lao động theo dây chuyền. - So với lần thứ nhất: nguồn năng lượng chủ yếu chuyển từ hơi nước sang điện và dầu mỏ; nhiều phát minh dựa trên nghiên cứu khoa học chuyên sâu hơn.	- Tích hợp: HS đối chiếu ít nhất hai nguồn, ưu tiên trang của bảo tàng, cơ quan khoa học - giáo dục hoặc bách khoa; ghi tên nguồn và nhận xét điểm thống nhất/khác biệt. **- [3.1-NC1-a/b] → Phát triển nội dung số** - Sản phẩm số: Một "thẻ phát minh" gồm tên, thời gian, nhà phát minh, công dụng, ý nghĩa và nguồn tham khảo; tạo bằng một trang Word hoặc một slide PowerPoint. - Đánh giá: GV căn cứ độ chính xác, khả năng truy vết nguồn, bố cục rõ ràng và việc HS diễn đạt bằng lời của mình. Mất mạng: dùng bộ tư liệu in do GV cung

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
- Nhóm 4: Động cơ đốt trong, ô tô và máy bay. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS khai thác SGK, thảo luận, hoàn thành bảng và lựa chọn một phát minh để giải thích tác động đối với đời sống. - GV lưu ý HS phân biệt nhà phát minh đầu tiên với người cải tiến hoặc tổ chức sản xuất hàng loạt; khuyến khích kiểm chứng thông tin bằng nguồn đáng tin cậy. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện các nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, đặt câu hỏi và bổ sung. - GV đặt câu hỏi: Điểm khác biệt nổi bật giữa Cách mạng công nghiệp lần thứ hai và lần thứ nhất là gì? **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV chốt kiến thức: Cách mạng công nghiệp lần thứ hai dựa chặt chẽ hơn vào thành tựu khoa học; điện và động cơ đốt trong tạo cơ sở cho nhiều ngành công nghiệp mới.		cấp.

Hoạt động 3. Tìm hiểu ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai

a. Mục tiêu: HS phân tích được ý nghĩa của hai cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hoá; nhận biết được một số tác động tiêu cực và liên hệ với yêu cầu phát triển bền vững hiện nay.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS khai thác mục 3, Tư liệu 2, Hình 12 và thông tin Em có biết trong SGK; HS thảo luận nhóm, hoàn thành Phiếu học tập số 3.

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ hoặc bảng phân tích ý nghĩa về kinh tế, xã hội, văn hoá; phần liên hệ về tác động của công nghiệp hoá đối với môi trường và đời sống hiện nay.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS quan sát bảng số liệu sản lượng thép của Anh, Mỹ, Đức năm 1880 và 1900; nhận xét sự thay đổi và giải thích ý nghĩa của sản xuất thép đối với công nghiệp. **TƯ LIỆU 2.** Sản lượng thép của các nước: Nước | Năm 1880 (triệu tấn) | Năm 1900 (triệu tấn) | Tỉ lệ tăng (%) Anh | 1,3 | 4,9 | 377 Mỹ | 1,2 | 10,2 | 850 Đức | 0,7 | 6,4 | 910 Năm 1860, Anh và Pháp đứng đầu và thứ hai trong nền sản xuất công nghiệp thế giới nhưng đến năm 1913, Mỹ và Đức lại chiếm hai vị trí đó. (Theo Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng, *Lịch sử thế giới cận đại*, Sđd, tr. 230, 286) *Tư liệu 2. Sản lượng thép của Anh, Mỹ và Đức* - GV cho HS quan sát Hình 12 về tuyến đường sắt nối Li-vơ-pun và Man-che-xtơ; đặt câu hỏi: đường sắt đã tác động thế nào đến sản xuất, thị trường và đô thị?  *Hình 12. Đường sắt nối Li-vơ-pun và Man-che-xtơ của Anh* - GV chia lớp thành ba nhóm: - Nhóm 1: Phân tích ý nghĩa đối với phát triển kinh tế. - Nhóm 2: Phân tích ý nghĩa và tác động đối với xã hội. - Nhóm 3: Phân tích ý nghĩa và tác động đối với văn hoá, lối sống	- Về kinh tế: máy móc, nguồn năng lượng và phương thức sản xuất mới nâng cao năng suất; thúc đẩy công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thông tin liên lạc và thương mại; tạo ra nhiều nguyên liệu, sản phẩm và ngành kinh tế mới. - Sản xuất chuyển từ quy mô nhỏ sang quy mô lớn, tập trung trong nhà máy; thị trường quốc gia và thế giới mở rộng; quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá diễn ra nhanh. - Về xã hội: hình thành hai giai cấp cơ bản của xã hội công nghiệp là tư sản và vô sản; dân cư tập trung vào đô thị và khu công nghiệp; nảy sinh mâu thuẫn giai cấp và phong trào công nhân. - Về văn hoá: lối sống công nghiệp, kỉ luật lao động và nhịp sống đô thị trở nên phổ biến; các phương tiện điện thoại, vô tuyến điện, điện ảnh, giao thông hiện đại thúc đẩy giao lưu và kết nối văn	**[5.2-NC1-a/b] → Xác định nhu cầu và giải pháp công nghệ** - Nội dung chỉ báo: Đánh giá nhu cầu xử lí số liệu; áp dụng công cụ số và giải pháp công nghệ phù hợp để giải quyết nhiệm vụ học tập. - Tích hợp: Ở Bước 1 - 2, HS xác định nhu cầu tính mức tăng sản lượng thép của Anh, Mỹ, Đức; lựa chọn máy tính cầm tay hoặc Excel/Google Sheets để tính chênh lệch và so sánh. - Sản phẩm số: Bảng kết quả gồm sản lượng năm 1880, năm 1900, mức tăng tuyệt đối và

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
và môi trường. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc SGK, khai thác tư liệu, trao đổi và hoàn thành bảng theo cấu trúc: lĩnh vực - biểu hiện - dẫn chứng - nhận xét. - GV hướng dẫn HS nhận diện cả tác động tích cực và hạn chế, tránh đánh giá một chiều. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện các nhóm trình bày. Nhóm khác bổ sung và liên hệ với sự phát triển công nghiệp, giao thông, truyền thông trong xã hội hiện nay. - GV đặt câu hỏi phản biện: Cách mạng công nghiệp chỉ mang lại tiến bộ hay còn tạo ra những vấn đề mới? **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV chuẩn xác kiến thức; nhấn mạnh hai cuộc cách mạng công nghiệp tạo bước ngoặt lớn của lịch sử nhân loại nhưng đồng thời làm nảy sinh bất bình đẳng, ô nhiễm và các xung đột xã hội, đòi hỏi phát triển bền vững.	hoá. - Tác động tiêu cực: ô nhiễm môi trường, bóc lột lao động, điều kiện làm việc khắc nghiệt, xung đột xã hội, chạy đua vũ trang và tranh giành thuộc địa. - Ý nghĩa chung: tạo nền tảng vật chất - kĩ thuật của nền văn minh công nghiệp; làm thay đổi sâu sắc phương thức sản xuất, cơ cấu xã hội và đời sống con người; mở đầu quá trình hiện đại hoá trên phạm vi thế giới. - Liên hệ: thành tựu điện, động cơ, ô tô, máy bay và truyền thông vẫn là cơ sở của đời sống hiện đại; con người cần sử dụng công nghệ an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.	một nhận xét về sự thay đổi vị trí công nghiệp; nhóm có thiết bị có thể tạo biểu đồ cột đơn giản. - Đánh giá: GV kiểm tra số liệu, thao tác/công thức, sự phù hợp của công cụ và kết luận lịch sử. Thiếu thiết bị: tính trên phiếu giấy, không làm thay đổi yêu cầu kiến thức.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố, hệ thống hoá kiến thức về thành tựu và ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, lần thứ hai.

b. Nội dung: HS hoàn thành bảng thống kê, trả lời câu hỏi so sánh và giải thích dưới sự hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm học tập: Bảng tổng hợp chính xác, câu trả lời có dẫn chứng và phần trình bày ngắn của cá nhân hoặc nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

- Câu 1. Lập bảng thống kê những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại theo các mục: tên thành tựu - thời gian phát minh - quốc gia xuất hiện - người phát minh - ý nghĩa.

STT	Tên thành tựu	Thời gian/nhà phát minh	Quốc gia xuất hiện	Ý nghĩa
1	Máy hơi nước cải tiến	Giêm Oát, cuối thế kỉ XVIII	Anh	Tạo nguồn động lực mới, thúc đẩy cơ giới hoá.
2	Đầu máy xe lửa và đường sắt	Đầu thế kỉ XIX	Anh	Mở rộng giao thông, thị trường và đô thị.
3	Phương pháp luyện thép Bê-se-mơ	1856 - Hen-ri Bê-se-mơ	Anh	Tạo thép chất lượng tốt, giá rẻ, thúc đẩy công nghiệp nặng.
4	Điện thoại	1876 - A. G. Beo	Mỹ	Truyền âm thanh nhanh trên khoảng cách xa.
5	Bóng đèn và hệ thống điện	1879 - T. Ê-đi-xơn	Mỹ	Mở rộng chiếu sáng, sản xuất và sinh hoạt bằng điện.
6	Ô tô Mô-đen T	1908 - Công ty Pho Mô-tô	Mỹ	Phổ biến sản xuất dây chuyền và giao thông cá nhân.
7	Máy bay có động cơ	1903 - anh em nhà Rai	Mỹ	Mở ra ngành hàng không hiện đại.

- Câu 2. So sánh Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai theo các tiêu chí: thời gian, nguồn năng lượng, lĩnh vực nổi bật, mối quan hệ giữa khoa học và sản xuất.
- Câu 3. Theo em, thành tựu nào có ý nghĩa quan trọng nhất đối với sự phát triển của nền văn minh công nghiệp? Trình bày quan điểm và sử dụng ít nhất hai dẫn chứng.
- Câu 4. Từ bảng số liệu sản lượng thép, hãy nhận xét sự thay đổi vị trí công nghiệp của Anh, Mỹ và Đức cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm; gọi một số HS trình bày, nhận xét và chuẩn xác kiến thức. GV khuyến khích HS sử dụng dẫn chứng từ hình ảnh, tư liệu và bảng số liệu trong SGK.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để giải thích sự hiện diện của các thành tựu công nghiệp trong đời sống; hình thành khả năng tìm kiếm, lựa chọn, xử lí và trình bày thông tin.

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ học tập ngoài giờ hoặc theo nhóm, lựa chọn một thành tựu tiêu biểu của các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn viết, bài thuyết trình, bảng ảnh, sơ đồ tư duy hoặc infographic có nguồn tư liệu rõ ràng, nội dung chính xác và cách trình bày mạch lạc.

d. Tổ chức thực hiện:

- Nhiệm vụ 1. Thống kê các thiết bị sử dụng điện trong gia đình. Giải thích cuộc sống sẽ thay đổi như thế nào nếu không có điện và đề xuất ba biện pháp sử dụng điện an toàn, tiết kiệm.
- Nhiệm vụ 2. Sưu tầm tư liệu qua sách, báo hoặc nguồn trực tuyến đáng tin cậy; giới thiệu một thành tựu tiêu biểu của các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại. Bài giới thiệu khoảng 150 - 200 chữ, nêu rõ thời gian, nhà phát minh, nguyên lí hoặc công dụng, ý nghĩa và ảnh hưởng.
- Nhiệm vụ 3. Thiết kế sơ đồ tư duy hoặc infographic với chủ đề "Từ máy hơi nước đến máy bay", thể hiện ít nhất sáu thành tựu theo trật tự thời gian và mối liên hệ giữa chúng.
- Nhiệm vụ 4. Viết đoạn văn ngắn nêu quan điểm: Phát triển công nghiệp cần đi kèm những giải pháp nào để bảo vệ môi trường và bảo đảm quyền lợi của người lao động?
- GV hướng dẫn HS lựa chọn nguồn tin đáng tin cậy, ghi nguồn tư liệu, phân công nhiệm vụ rõ ràng nếu làm theo nhóm; thu sản phẩm, nhận xét và sử dụng làm học liệu trưng bày trong lớp.
- Yêu cầu cần đạt: sản phẩm đúng kiến thức, có dẫn chứng cụ thể, thể hiện được mối liên hệ giữa thành tựu lịch sử với đời sống hiện nay và có quan điểm trách nhiệm đối với môi trường, xã hội.

E. NHẬN XÉT SAU GIỜ DẠY

.....